

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **820/2022/HC-PT**

Ngày: 23/12/2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vương.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Quang Phúc.

2. Ông Đào Hồng Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 22/2022/HCPT ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính số 2859/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5790/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15966/2022/QĐPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: 2A đường U, khu phố H, phường T, thành phố T

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Châu Thị Thảo L, sinh năm 1994

Địa chỉ: 227 N, Phường B, Q. G, TP. Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Người bị kiện: Chị cục thuế thành phố T

Địa chỉ: 1398 Đ, phường T, thành phố T

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hoàng D, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: 1398 Đ, phường T, thành phố T

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Lê Vũ N, sinh năm 1970 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 1398 Đ, phường T, thành phố T

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố T

Địa chỉ: 168 T, phường T, thành phố T

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – chuyên viên
Phòng tài nguyên và môi trường (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 168 T, phường T, thành phố T.

3.2. Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 12 P, Phường B, quận B

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Xuân T, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1977 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 56 Đ, phường T, thành phố T

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T - người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung vụ án, bản án sơ thẩm:

Bà T nhận được Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 53/TB-CCT ngày 01/12/2020 và thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 29/TB07-CCT ngày 20/4/2021 của Chi cục thuế thành phố T, nhưng không nhớ được ngày nào cụ thể bà T nhận được 02 văn bản trên, nhưng bà T nhận trong thời hạn luật định. Không đồng ý với 02 văn bản trên của Chi cục thuế thành phố T, nên bà T khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố T để yêu cầu Tòa án xem xét hủy 02 quyết định hành chính được thể hiện là: Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 53/TB-CCT ngày 01/12/2020 của Chi cục thuế thành phố T; Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 29/TB07-CCT ngày 20/4/2021 của Chi cục thuế thành phố T; đồng thời bà T không phải đóng số tiền chậm nộp là 68.752.285 đồng theo quy định.

Những căn cứ mà bà T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hủy 02 văn bản trên đó là: Bà T được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận và ban hành quyết định số 7696/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được ghi nợ tiền sử dụng đất, đối với thửa đất số 577, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại phường Bình Chiểu, thành phố T; Chi cục thuế dựa vào nghị định số 79/NĐ-CP ngày 26/10/2019 yêu cầu bà T nộp thuế là không đúng vì giấy chứng nhận của bà T đến nay vẫn còn hiệu lực chưa có cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào buộc bà T phải nộp thuế và Chi cục thuế dựa vào kết luận Thanh tra số 06 ngày 12/6/2020 là không có căn cứ vì bà T không thuộc đối tượng thanh tra, bà T cũng không nhận được kết luận Thanh tra này.

Người bị kiện Chi cục thuế thành phố T có người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Hoàng Dung cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày đối đáp lại với yêu cầu của người khởi kiện về hủy 02 Văn bản số 53/TB-CCT ngày 01/12/2020 về thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp và

số 29/TB07-CCT ngày 20/4/2021 về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp của Chi cục thuế thành phố T.

Ngày 25/11/2019 bà T nộp hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất tại Chi nhánh một cửa Văn phòng đăng ký đất đai – Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T. Ngày 26/11/2019, Ủy ban nhân dân phường Bình Chiếu xác nhận vị trí đất ở và đất nông nghiệp theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đô thị số 7669/QĐ-UBND. Ngày 25/12/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T chuyển bộ Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của bà T số 13299/PCTTĐC ngày 24/12/2019 đến Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Ngày 31/12/2019, Chi cục Thuế chuyển toàn bộ Thông báo nộp thuế đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T chuyển cho người sử dụng đất thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định. Ngày 27/4/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T chuyển đơn ghi nợ tiền sử dụng đất của bà T đề ngày 25/11/2019 kèm công văn số 1569/TNMT ngày 11/12/2019 trong công văn ở mục năng lực tài chính có ghi: Xin ghi nợ tiền sử dụng đất theo đơn ghi nợ ngày 25/11/2019 và giấy chứng nhận số CH03267 ngày 23/12/2014. Ngày 18/03/2020, bà T được Ủy ban nhân dân thành phố T chấp thuận cho ghi nợ tiền sử dụng đất và cập nhật trên giấy chứng nhận số CH03267 ngày 23/12/2014, ngày ghi nợ 18/03/2020. Ngày 13/7/2020, Chi cục Thuế nhận được công văn số 3073/UBND-TNMT ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T kèm theo danh sách 28 trường hợp ghi nợ tiền sử dụng đất sau ngày Nghị định 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ.

Theo kết luận thanh tra số 06/KL-TTTP-P4 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: “Xem xét xử lý việc ghi nợ không đúng quy định đối với 28 giấy chứng nhận; đồng thời thu nộp ngân sách tiền sử dụng đất đã cho ghi nợ theo quy định”. Theo đó trường hợp của bà T không thuộc trường hợp ghi nợ tiền sử dụng đất theo qui định tại Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung Điều 16 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ qui định về thu tiền sử dụng đất, theo kết luận của thanh tra Thành phố. Do đó đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố T – có người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Thu Huyền không có lời khai gửi cho Tòa án đối đáp lại yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồ Chí Minh. Không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính số 2859/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc hủy “Thông báo số 53/TB-CCT ngày 01/12/2020 về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp và Thông báo số 29/TB07-CCT ngày 20/4/2021 về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp của Chi cục thuế thành phố T”.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/7/2022, bà Châu Thị Thảo Linh là người đại diện ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bà Châu Thị Thảo Linh là người đại diện ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T trình bày: Việc Chi cục thuế quận T (nay là Thành phố T) ban hành Thông báo số 53/TB-CCT ngày 01/12/2020 về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp và Thông báo số 29/TB07-CCT ngày 20/4/2021 về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp là không đúng quy định pháp luật, bởi vì ngày 25/11/2019 bà T đã nộp đủ hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất và Đơn ghi nợ tiền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai và đã được Ủy ban nhân dân Thành phố T đã chấp nhận việc ghi nợ. Tại thời điểm bà T thực hiện hoàn tất thủ tục xin ghi nợ thuế tiền sử dụng đất là trước thời điểm Nghị định 79/2019/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực vào ngày 10/12/2019. Do vậy, việc Chi cục Thuế Thành phố T áp dụng Nghị định 79/2019/NĐ-CP của Chính phủ để cho rằng bà T không được nợ thuế tiền sử dụng đất và ra thông báo phạt chậm nộp thuế là không có căn cứ.

- Việc Chi cục thuế Thành phố T dựa vào kết luận thanh tra số 06/KL-TTTP-P4 ngày 12/6/2020 để cho rằng việc Ủy ban nhân dân Thành phố T cho bà T được ghi nợ tiền sử dụng đất là không đúng và sử dụng kết luận này để làm căn cứ xử phạt tiền chậm nộp thuế tiền sử dụng đất cho bà T là không phù hợp quy định của pháp luật.

- Việc bà T chậm nộp tiền thuế sử dụng đất là do bà T được Ủy ban nhân dân Thành phố T chấp nhận cho ghi nợ thuế tiền sử dụng đất. Trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố T chấp nhận cho bà T ghi nợ tiền sử dụng đất là không đúng thì đây là lỗi hành chính của Ủy ban chứ không thuộc lỗi chủ quan của bà T. Do đó, bà T đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo của bà T. Trường hợp cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người bị kiện:* Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hoàng Dung, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đều đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: đại diện Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Minh Phượng trình bày: trường hợp của bà T chậm nộp tiền thuế sử dụng đất là do lỗi chủ quan của bà T, bởi vì bà T đã nhận được công văn số 3436/UBND-TNMT ngày 27/7/2020 của Ủy ban

nhân dân quận T về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với hồ sơ đã được ghi nợ tiền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T và tuyên hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Bà Trần Thị Thu Huyền là đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố T, ông Lê Xuân Tùng đại diện ủy quyền của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158, Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Đối tượng khởi kiện là Thông báo số 53/TB-CCT ngày 01/12/2020 về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp và Thông báo số 29/TB07-CCT ngày 20/4/2021 về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp của Chi cục thuế quận T; Thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm được quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo:

Bà T yêu cầu hủy Thông báo số 53/TB-CCT ngày 01/12/2020 về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp và Thông báo số 29/TB07-CCT ngày 20/4/2021 về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp của Chi cục thuế quận T. Đồng thời tuyên bà T không phải đóng số tiền chậm nộp 68.752.285 đồng.

[4] Xét kháng cáo của bà T:

Xét về mặt tố tụng:

[4.1] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại:

Tại buổi đối thoại và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 22/4/2022 và 11/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T trong thành phần tham gia phiên họp không có Thư ký và các Biên bản đối thoại cũng như Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đều không có chữ ký của Thư ký phiên họp mà Thẩm phán – chủ trì đối thoại trực tiếp

tiến hành đối thoại và ghi biên bản. Điều này là chưa phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 137, khoản 4 Điều 139 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[4.2] Tòa cấp sơ thẩm không xem xét các quyết định hành chính có liên quan:

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 Luật tổ tụng hành chính 2015 quy định: “Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện...”.

- Trong vụ kiện này, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 53/TB-CCT ngày 01/12/2020 và Thông báo số 29/TB07-CCT ngày 20/4/2021 của Chi cục Thuế quận T (nay là Thành phố T). Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngoài 02 thông báo trên còn có Thông báo số 53-1/TB-CCT ngày 14/12/2020 để điều chỉnh thông báo số 53 (trong nội dung Thông báo số 53-1 ghi rõ là một bộ phận không tách rời của Thông báo số 53) và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1970133-TK0029442/TB-CCT ngày 31/12/2019. Thông báo này là cơ sở để Chi cục thuế tính tiền chậm nộp.

- Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân Tp. T đã không nhận định và xem xét Thông báo số 53-1/TB-CCT và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1970133-TK0029442/TB-CCT ngày 31/12/2019 của Chi cục Thuế quận T (nay là Thành phố T). Thiếu sót này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[4.3] Tòa án nhân dân Thành phố T giải quyết vụ án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ không có trong hồ sơ vụ án:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật tổ tụng hành chính 2015: “Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án hành chính, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không nộp hoặc nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu ... thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật này để giải quyết”.

- Trong vụ án này, Hội đồng xét xử Tòa án Thành phố T nhận định và giải quyết các yêu cầu của bà T không trên cơ sở quy định pháp luật mà chỉ căn cứ vào tài liệu chưa thu thập được đó là Kết luận Thanh tra số 06/KL-TTP-P4 ngày 12/6/2020 của Thanh tra Tp. Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án.

[4.4] Với những vi phạm thủ tục tố tụng trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015: Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 2859/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T để giao hồ sơ về Tòa án nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thẩm quyền.

[4.5] Án sơ thẩm bị hủy do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về nội dung.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T, hủy bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 2859/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T để giao hồ sơ về Tòa án nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thẩm quyền.

2. Về án phí:

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0028113 ngày 10/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND TP T, TP.HCM;
- Chi cục THA DS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khắc Vương